TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Lý

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thái Trần Quốc T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú cuối cùng: Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2020 và lời khai tại tòa, nguyên đơn ông Thái Trần Quốc T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị C chung sống từ năm 2009, tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 279/2011 ngày 16 tháng 11 năm 2011. Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn ông không giữ bản nào. Ông và bà Côi chung sống tại địa chỉ Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Từ năm 2013, ông dọn về Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và vợ chồng ông ly thân từ đó đến nay. Theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tuyên bố bà Nguyễn Thị C mất tích. Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên toà; tuy nhiên bà Nguyễn Thị C đều vắng mặt, không có cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Do bà Nguyễn Thị C vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thái Trần Quốc T vắng mặt (có đơn xin vắng mặt), bị đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Thái Trần Quốc T nộp đơn khởi kiện vụ án ly hôn với bà Nguyễn Thị C, bà Côi có địa chỉ cư trú cuối cùng tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị C theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Côi vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Thái Trần Quốc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Do bà Nguyễn Thị C không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên trong hồ sơ không có ý kiến của bà Côi, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông Thái Trần Quốc T cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Thái Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 279/2011 ngày 16 tháng 11 năm 2011, như vậy hôn nhân giữa ông Thịnh và bà Côi là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tuy nhiên bà Côi đều vắng mặt. Căn cứ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tuyên bố bà Nguyễn Thị C mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị C vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, ông Thái Trần Quốc T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị C là có căn cứ pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 279/2011 ngày 16 tháng 11 năm 2011 được Ủy ban nhân dân Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Thái Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị C không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Thái Trần Quốc T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thái Trần Quốc T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Thái Trần Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53 và Khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Trần Quốc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 279/2011 ngày 16 tháng 11 năm 2011 được Ủy ban nhân dân Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Thái Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị C không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Thái Trần Quốc T phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0025530 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Thái Trần Quốc T đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND P.3, Q.G, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc